

ĐÁNH GIÁ QUA NHẬN XÉT SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG HỌC MÔN TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC

HUỲNH MỸ LINH
Trường Đại học Đồng Tháp

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 24/02/2026. Duyệt đăng 25/02/2026.

Abstract

This article clarifies the role and significance of assessing learning outcomes through feedback on students' learning products in Vietnamese language education at the primary level. Based on an analysis of guiding documents, assessment objectives, and evaluation methods, it highlights key considerations as well as common mistakes in providing feedback on learning products. The author also proposes assessment criteria for specific products across core Vietnamese language skills, including reading, writing, speaking, listening, and storytelling. In line with these criteria, product-based feedback helps teachers obtain information to adjust instructional activities and supports students in identifying their progress and limitations, thereby fostering more comprehensive language competence. The article presents a set of criteria for assessing and commenting on primary students' Vietnamese language learning products to support pre-service teacher practice and provide references for primary school teachers.

Keywords: Assessment, feedback, primary education, primary school students, Vietnamese language.

1. Đặt vấn đề

Đánh giá hoạt động học môn Tiếng Việt đóng vai trò quan trọng trong việc giúp giáo viên (GV) xác định mức độ đạt được các năng lực ngôn ngữ và văn học của học sinh (HS) so với yêu cầu cần đạt. Thông qua đánh giá, GV có thể kịp thời điều chỉnh phương pháp giảng dạy, đồng thời giúp HS nhận ra điểm mạnh, điểm yếu để tự tin cải thiện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Có nhiều hình thức đánh giá đa dạng như đánh giá qua quan sát thái độ học tập, đánh giá qua các bài kiểm tra định kỳ hoặc đánh giá thường xuyên qua vấn đáp và thảo luận nhóm. Trong đó, việc đánh giá qua nhận xét sản phẩm hoạt động học (như các bài viết sáng tạo, bài viết chỉnh tả, bài làm ở vở bài tập hay sơ đồ tư duy dàn ý bài viết văn bản) là một phương thức mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Cách làm này không chỉ giúp GV theo dõi sát sao tiến trình tư duy của trẻ mà còn tạo cơ hội để đưa ra những lời khuyên cụ thể, mang tính khích lệ cá nhân hóa. Sinh viên (SV) ngành Giáo dục tiểu học trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ cũng cần tập luyện kỹ năng trên. Do đó, việc làm này là cần thiết và nhanh chóng giúp HS nhận thấy sự tiến bộ và hạn chế của bản thân để điều chỉnh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đánh giá kết quả học tập

2.1.1. Văn bản hướng dẫn

Để đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của HS tiểu học, văn bản cần quan tâm bao gồm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 [1] và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 [3, tr. 4] của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Muốn đánh giá năng lực HS cần có mục tiêu, phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá và xử lý kết quả đánh giá để có được nhận định, đánh giá đúng về năng lực HS.

2.1.2. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá không chỉ để cho điểm mà còn để khám phá và ghi nhận sự tiến bộ của HS. Mục tiêu

đánh giá giúp HS: - Hiểu được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân: Giúp các em nhận ra mình giỏi ở mảng nào (ví dụ: đọc tốt, viết hay) và còn cần cải thiện ở đâu (ví dụ: chính tả, ngữ pháp); - Có động lực để cố gắng: Đánh giá tích cực sẽ là động lực lớn, giúp các em thêm yêu thích và tự tin hơn với môn Tiếng Việt.

Ví dụ: nhận xét đánh số (1), (2) dưới đây là nhận xét đánh giá phù hợp cho bài viết của HS, vừa nhận xét thực trạng chữ viết của HS vừa chứa đầy tình cảm và sự động viên, khuyến khích. Nhận xét đánh giá (3) mang tính tiêu cực, dễ gây nản chí ở HS. Đánh giá (5) làm HS tự ti hơn khi để bạn phát hiện lỗi sai của mình và sửa cho mình. Đánh giá (4) thiếu sự ân cần tình cảm quan tâm của GV.

- + Em/em đã viết đúng và đẹp hơn (1).
- + Em/em cần cố gắng hơn nhé! (2).
- + Chữ nguệch ngoạc, cẩu thả (3).
- + Cần chăm chỉ hơn! (4).
- + Bạn viết sai, bạn nào giúp bạn sửa lại? (5).
- + Viết tốt, đáng khen (6).

Điều chỉnh phương pháp dạy học: Kết quả đánh giá là cơ sở để GV điều chỉnh bài giảng cho phù hợp với năng lực của từng HS và cả lớp. Khuyến khích đánh giá kết hợp thêm các nhận xét bằng lời nói hoặc bằng chữ viết mang tính tích cực như: “Bài viết có ý tưởng sáng tạo, tuy nhiên cần chú ý thêm về dấu câu.”

2.1.3. Các phương pháp đánh giá hiệu quả

Ở bài nghiên cứu này, hoạt động giá này để hướng dẫn và rèn luyện cho SV ngành Giáo dục tiểu học nên cũng giới hạn trong phạm vi đánh giá thường xuyên (trước, trong và sau) khi dạy một bài học Tiếng Việt và được thực hiện bằng hình thức phù hợp như sau: + Quan sát: Thường xuyên quan sát thái độ, sự tương tác của HS trong giờ học, từ chi tiết nhỏ như cách giữ tay phát biểu, cách làm việc trong nhóm. Hình thức đánh giá bằng quan sát mang đến kết quả chân thực; + Bài kiểm tra ngắn (hỏi đáp/ viết tự luận/trắc nghiệm): Phần đánh giá đầu tiết học để đánh giá bài học trước, đánh giá cuối tiết học dành cho bài vừa học. Đánh giá trong tiết dạy để đo một hoạt động học vừa thực hiện; + Sản phẩm học tập: Xem xét sản phẩm HS tạo ra qua các hoạt động học. Ví dụ: bài viết chữ ở bảng con và vở luyện viết, bài viết chính tả, bài viết sáng tạo ở vở ô li, bài đọc, bài kể trong tiết học đọc, nói và nghe,...

2.1.4. Những điều cần nhấn mạnh khi đánh giá

Đó là: - Nhận xét bằng lời nói: tăng cường các nhận xét cụ thể mang tính xây dựng và động viên. Ví dụ: “Con đã viết rất tốt câu văn này, nhưng nếu con thêm một vài từ gợi tả, bài văn sẽ hay hơn nhiều”; - Đánh giá sự tiến bộ của từng cá nhân: Tránh đánh giá so sánh HS với HS, tăng cường so sánh kết quả hiện tại với kết quả ở thời điểm trước của HS vì sự tiến bộ của HS dù nhỏ cũng đáng được ghi nhận và khen ngợi; - Tạo ra môi trường đánh giá không áp lực: Cần làm cho HS cảm thấy việc đánh giá là một phần tự nhiên của quá trình học tập, không phải là một đợt kiểm tra áp lực. Điều này góp phần tạo sự tự tin thể hiện năng lực của HS. Việc đánh giá giúp GV nắm bắt tình hình học tập của HS và góp phần xây dựng môi trường giáo dục tích cực, tôn trọng và khuyến khích HS phát triển.

2.1.5. Một số lỗi cần tránh khi nhận xét hoạt động/sản phẩm của học sinh

Khi nhận xét các sản phẩm của HS như đọc thành tiếng, viết bảng con, viết chính tả, viết đoạn, bài, kể chuyện, nói,... nhiều SV ngành Giáo dục tiểu học chưa biết cách xác định tiêu chí đánh giá, chưa xác định trọng tâm của nội dung cần đánh giá ứng với mỗi kĩ năng đọc, viết, nói, nghe ở Tiếng Việt tiểu học. Quan trọng hơn, SV chưa có nhiều nguồn tham khảo để học hỏi cách nói lời nhận xét cho từng kĩ năng và từng trường hợp cụ thể.

Sinh viên thường đưa ra các lời nhận xét chung chung: - Em viết đúng rồi; - Bạn (của các em) đọc tốt rồi, chúng ta khen bạn nhé!; - Bạn kể chuyện có hay không các em? Chúng ta tuyên dương bạn nhé!

Tất cả các nhận định “tốt”, “hay”, “đẹp” là nhận định chung chung. Khi nêu lời nhận xét cho sản phẩm của HS cần chỉ ra chi tiết cụ thể mức độ của kĩ năng để HS biết điểm nào mình đạt và điểm nào cần khắc phục ở lần tiếp theo.

2.1.6. Một số ví dụ nhận xét bằng lời về các kĩ năng của môn Tiếng Việt

Các chương trình bồi dưỡng giáo viên thường xuyên theo Thông tư 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 [2, tr. 3] về nội dung bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp (chuyên môn, kỹ năng sư phạm) đã cho thấy sự cần thiết tập luyện nghiệp vụ chuyên môn giảng dạy và nhận xét, đánh giá sớm cho sinh viên ngành Sư phạm. Ở trường, do chưa có điều kiện tiếp xúc học sinh thực tế nên SV rèn luyện tham khảo mẫu. Dưới đây là một số mẫu nhận xét bằng lời tham khảo:

Phần viết chữ trên bảng con: + Em viết đúng độ cao, hình dáng chữ cái, nét viết đều, đẹp. Chữ viết đã có tiến bộ, cô khen. Em cố gắng hơn nữa nhé; + Em viết chưa đúng độ cao, chưa tròn nét, em nắn nót chữ đẹp hơn nhé; + Em viết đúng mẫu nhưng cần chú ý khoảng cách giữa các chữ. Cố gắng viết chậm, nắn nót hơn nữa con nhé!; + Em cần chú ý hơn về tư thế ngồi, nhớ ngồi thẳng lưng khi viết nhé!

Phần viết vở ô li, vở tập viết: + Bài viết sạch, chữ viết ngay ngắn, rõ ràng. Em viết có tiến bộ, cố gắng phát huy nhé; + Vở sạch, trình bày đẹp, chữ viết đều, ngay hàng, cô khen em!; + Bài viết sạch nhưng chữ h còn nghiêng về phía sau, con chú ý hơn nhé!; + Bài viết sạch, chữ viết ngay ngắn, rõ ràng; + Em viết có tiến bộ, cố gắng phát huy nhé; + Chữ viết đều, ngay hàng, rõ ràng; + Cần luyện thêm chữ viết để đều và đẹp hơn.

Phần viết chính tả: + Bài viết sạch, ít lỗi, em tiến bộ rồi! Em viết đúng nhiều từ khó, cô rất hài lòng!; + Em viết đúng phần lớn, đôi chỗ còn nhầm lẫn một số âm/vần/dấu thanh; + Em viết đúng và sạch, cô khen! Tuy nhiên, em cần chú ý hơn khi viết các âm đầu/vần dễ lẫn; + Còn sai một số lỗi chính tả, em chú ý nghe cô đọc bài kĩ hơn và rà soát bài sau khi viết xong nhé!; + Em viết đúng nhiều từ khó, cô rất hài lòng!; + Em viết đúng chính tả, trình bày đẹp; + Em viết đúng phần lớn, đôi chỗ còn nhầm lẫn một số âm/vần/dấu thanh.

Phần kể chuyện: + Em phối hợp tốt với bạn khi kể nhóm, lời kể to rõ ràng; + Em kể tự nhiên, biết dùng cử chỉ, nét mặt khi kể, kể sinh động, giọng kể hay, cô khen!; + Cần luyện nói to, rõ, tự tin hơn nữa; + Em còn nhớ ngắt quãng, cần luyện kể mạch lạc, tự tin hơn; + Biết dùng cử chỉ, nét mặt khi kể, rất sinh động!; + Em kể tự nhiên, giọng kể hay, cô khen!; + Cần ghi nhớ thêm chi tiết để câu chuyện đầy đủ hơn nhé!; + Em kể đúng nội dung, cần rèn thêm cách thể hiện cảm xúc.

Phần viết đoạn văn, bài văn: + Em viết đúng nội dung, có cảm xúc, rất tốt!; + Cần chú ý hơn khi đặt câu và dùng dấu câu; + Em viết đúng đề, có ý rõ, cần rèn thêm cách diễn đạt; + Em viết đúng yêu cầu, câu văn mạch lạc, dùng từ hợp lí; + Em còn lúng túng khi viết, cần luyện sắp xếp ý và diễn đạt bằng câu hoàn chỉnh; + Cần viết thêm chi tiết để đoạn văn sinh động hơn nhé!; + Em trình bày sạch sẽ, bố cục rõ ràng.

Phần đọc diễn cảm: + Cần đọc to, tự tin hơn nhé!; + Em đọc to, rõ ràng, có nhấn giọng từ ngữ, giọng hay, biết ngắt nghỉ đúng chỗ; + Em biết thể hiện cảm xúc trong bài đọc, cô khen!; + Em đọc rõ ràng, đúng tiếng, cần chú ý thêm ngữ điệu; + Em còn đọc chậm hoặc đơn điệu, cần luyện đọc nhiều hơn; + Em cần luyện ngắt nghỉ đúng ở dấu câu; + Em đọc lưu loát, ngắt nghỉ đúng, thể hiện được cảm xúc của bài đọc.

Phần đọc thuộc lòng: + Em đọc trôi chảy, thuộc nhanh, cô khen!; + Cần đọc to, rõ hơn nhé!; + Em nhớ bài tốt, đọc có cảm xúc; + Em học thuộc nhanh, đọc diễn cảm, nhớ chính xác từng câu; + Em đọc lưu loát, tự tin trước lớp, rất tốt!; + Em thuộc nhưng cần đọc chậm và rõ hơn; + Em chưa thuộc hết bài, cần học thuộc kĩ hơn; + Em đọc thuộc nội dung cơ bản, đôi lúc còn quên một vài từ.

Phần nói-nghe: + Em biết lắng nghe và trả lời đúng ý, cô khen!; + Em nói rõ ràng, tự tin trước lớp; + Cần nói chậm, phát âm rõ hơn nhé!; + Em biết trao đổi, nói đúng trọng tâm, đôi lúc còn thiếu mạch dạn; + Em đã biết chia sẻ ý kiến, hợp tác tốt với bạn rồi đấy. Cần mạnh dạn hơn khi phát biểu nhé!; + Em biết lắng nghe, trả lời và trình bày ý kiến rõ ràng, tự tin; + Em nói nhỏ và chưa tập trung lắm, cần cố gắng hơn em nhé!

2.2. Xây dựng tiêu chí và đánh giá bằng nhận xét sản phẩm qua hoạt động học Tiếng Việt của học sinh tiểu học

2.2.1. Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động đọc của học sinh

Theo hướng dẫn của Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 [1] và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 [3] của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc đánh giá thường xuyên thực hiện bằng nhiều hình thức, trong đó có đánh giá sản phẩm học tập, hoạt động của HS. Ở môn Tiếng Việt, hoạt động đọc của HS bao gồm đọc thành tiếng, đọc hiểu và đọc mở rộng. Khi nhận xét bằng lời, đánh giá các sản phẩm, hoạt động này cần có tiêu chí rõ ràng, đảm bảo đáp ứng mục tiêu bài học, mục tiêu môn học, bậc học. Tiêu chí và ví dụ ở bài đọc cụ thể theo bảng sau:

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Bài <i>Thi nhạc</i> [9, tr. 12]
Đúng, to rõ	Phát âm chính xác (bao gồm số tiếng HS giải mã chữ viết sang âm thanh đúng và số tiếng HS giải mã sai nhưng tự sửa lại trong vòng 3 giây) Âm thanh đủ nghe Phát âm rõ, không bị lắp chữ	Phát âm chính xác tất cả tiếng, chỉ phát âm chưa rõ, chưa chính xác tiếng <i>nguyện</i> (trong <i>mãn nguyện</i>), <i>cla</i> (trong <i>cla-ri – nét</i>) nhưng tự sửa lại trong vòng ít hơn 3 giây. Đọc đủ cho HS cả lớp nghe. Phát âm rõ chữ
Trôi chảy, lưu loát (tốc độ)	Tốc độ đọc khoảng 80 đến 90 tiếng trong 60 giây.	Đọc đoạn từ <i>Về sâu được thấy mời trình bày đến cúi xuống ghi điểm</i> trong 50 giây (89 chữ).
Ngắt/ngghi hơi hợp lí	Ngắt đúng ở những câu có dấu câu ở giữa câu, nghỉ hơi ở chỗ có dấu cuối câu. Câu dài không có dấu giữa câu có ngắt ở cụm từ có nghĩa.	Phần của bản nhạc/là niềm mãn nguyện khi thấy mặt trời lên rực rỡ/ Để bước ra khỏi khoả và trang nhã/trong chiếc áo nâu óng/.
Nhấn giọng từ ngữ phù hợp	Nhấn giọng đúng từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật.	Bản nhạc “Mùa xuân” vang lên <i>réo rắt, say đắm</i> , rồi dần chuyển sang tiết tấu <i>ráo rức, tung bừng</i> .

Ví dụ: một HS dựa theo tiêu chí GV đã hướng dẫn và tập luyện tự nhận xét mình và nhận xét bạn qua một thời gian đã có thể nhận xét chính xác phần đọc bài của bạn trong lớp như sau: *Thưa cô, bạn Hoàng Phúc đọc bài đúng, to rõ ạ. Bạn đọc trôi chảy và có nhấn giọng từ ngữ miêu tả tiếng nhạc. Bạn ngắt, nghỉ câu hợp lí ạ. Bạn có phát âm chưa chính xác từ ngữ đồ chơi ạ, bạn đọc là đồ ổi ạ. Em có góp ý thêm cho bạn là cần kéo dài thêm một tí ở cuối cụm từ “Ờ-réc...Ờ-re-te-te-te...” thì sẽ hay và tự nhiên hơn ạ.*

Giáo viên cần giới thiệu tiêu chí đánh giá, phân tích cho HS hiểu và hướng dẫn, tập luyện cho HS tự nhận xét bằng lời sản phẩm đọc của mình và của bạn theo tiêu chí, tránh những lỗi hạn chế phổ biến hiện nay là HS nhận xét phần đọc của bạn rất ngắn gọn mà chưa chỉ ra thông tin hay phân tích, chẳng hạn như: “Thưa cô, bạn đọc đúng ạ!”. “Thưa thầy, bạn đọc bài rất hay ạ!”.

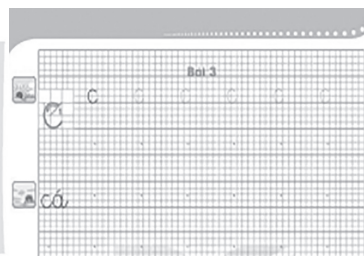
2.2.2. Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động viết của học sinh

Hoạt động viết của HS bao gồm kĩ thuật viết (viết chữ, viết chính tả) và viết câu, đoạn, bài văn. Khi nhận xét bằng lời, đánh giá các sản phẩm của hoạt động này thì sẽ nhận xét, đánh giá chữ viết của HS trên bảng con, vở tập viết, vở ô li, vở bài tập, bài viết chính tả trên vở ô li, câu, đoạn văn, bài văn viết trên vở bài tập, vở ô li, phiếu học tập, bảng nhóm, bảng phụ,... Ví dụ:

Bài viết trên vở tập viết lớp 1 [4, tr. 7] nhận xét theo tiêu chí: - Tô, viết được chữ cái và chữ ghi tiếng, chữ viết thường (chữ cái *c*, *a* viết thường, chữ ghi tiếng *cá*); - Tô, viết đủ số lượng (tô đủ 5 chữ “*c*” thường; viết đủ 6 chữ “*c*” thường, viết đủ 13 tiếng “*cá*”); - Tô đúng nét, đúng kích thước, không lẹm ra ngoài quá nhiều, đúng chiều, nét tô đều, không ngắt quãng; viết đúng chiều, đúng kích thước, liền mạch (viết đúng 1 nét cong trái, cong kín, móc xuôi, xiên trái, đúng độ cao 2 ô li, độ rộng 1,5 ô li và đúng chiều viết, viết các chữ thẳng hàng theo dòng kẻ).

Bài viết chính tả nghe-viết (chủ đề Mái ấm gia đình, bài Nụ hôn trên bàn tay [5, tr. 27] nhận xét bài viết của HS theo tiêu chí: - Tốc độ viết phù hợp (15 chữ/ 7 phút); - Nghe - viết đúng đoạn văn; - Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp (lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu dòng, viết hoa tên riêng *Nam*).

7 Nghe viết



1. Quan sát một đồ vật trong tranh, ghi lại những điều quan sát được về đặc điểm của đồ vật.



2. Quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp. Viết 3 – 4 câu tả đồ vật đó.

G: – Viết câu tả màu sắc.
M: Chiếc cặp sách màu xanh da trời trông thật mát mắt.
– Viết câu tả hình dáng, kích thước.
M: Quai cặp to bản, hơi cong cong để khi xách không bị đau tay.
– Viết câu tả hoạt động, công dụng.
M: Mỗi khi đóng, mở nắp cặp, tiếng “tách tách” của ổ khóa nghe thật vui tai.

3. Chia sẻ đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

Bài viết chính tả nghe-viết lớp 2, chủ đề Mái ấm yêu thương, bài 26 [6, tr. 115], nhận xét theo tiêu chí: - Tốc độ phù hợp (49 chữ trong 15 phút); - Chữ viết rõ ràng, viết đúng mẫu chữ, cỡ chữ (chữ viết thường, cỡ nhỏ); - Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi); - Trình bày phù hợp (lùi lề, viết hoa chữ cái đầu tên bài thơ và đầu các dòng thơ, trình bày bài viết đúng thể thơ bát và song thất, các dòng trong cùng khổ viết liền nhau, cách một dòng giữa các khổ thơ,...).

Bài viết văn bản

Tiêu chí	Bài <i>Viết đoạn văn tả đồ vật</i> [7, tr. 89]
Viết đúng yêu cầu đề bài (đúng kiểu đoạn, đúng chủ đề)	HS viết đúng yêu cầu của đề bài (viết được đoạn văn tả đồ vật). + Đoạn văn có ý chính rõ ràng, thể hiện được đồ vật cần tả. + Nội dung phù hợp lứa tuổi, gắn với trải nghiệm, quan sát đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp học. + HS biết thêm chi tiết riêng, thể hiện suy nghĩ hoặc cảm xúc cá nhân đối với đồ vật.
Viết đúng hình thức một đoạn văn	Đoạn văn được trình bày đúng hình thức một đoạn (Có đầy đủ 3 phần: câu mở đoạn, câu triển khai và câu kết đoạn). + Có câu mở đoạn giới thiệu ý chính (tên đồ vật cần tả). + Các câu triển khai sắp xếp hợp lý, mạch lạc (đặc điểm về màu sắc, đặc điểm hình dáng, kích thước, đặc điểm hoạt động, công dụng). + Câu kết đoạn khẳng định suy nghĩ, cảm xúc của bản thân với đồ vật. + Độ dài đoạn phù hợp với yêu cầu (thường 3-5 câu với lớp 3).
Dùng từ, đặt câu rõ ý, dễ hiểu	Câu văn rõ ý, dễ hiểu, diễn đạt tự nhiên. + Dùng từ phù hợp, đúng nghĩa để miêu tả đồ vật. + Câu văn đúng ngữ pháp (Có chủ ngữ - vị ngữ hoặc mở rộng trạng ngữ để câu văn thêm uyển chuyển).
Viết đúng chính tả	Viết đúng chính tả ở mức cơ bản (có thể mắc một số lỗi nhỏ), dùng dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.
Tính sáng tạo thể hiện qua bài viết	Đoạn văn thể hiện ý tưởng sáng tạo. + Có chi tiết tương tượng hợp lý, cảm xúc chân thật. + Sử dụng hình ảnh nhân hóa, so sánh để miêu tả đồ vật.

2.2.3. Xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động nói và nghe, kể chuyện của học sinh

Khi HS thực hiện bài kể chuyện, gợi ý nhận xét theo tiêu chí chung như sau: - Kể đúng chủ đề, nội dung chính của câu chuyện; - Kể mạch lạc, các sự việc theo trình tự hợp lý; - Phát âm rõ ràng, giọng kể phù hợp, âm lượng vừa phải; - Biết sử dụng nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi kể chuyện; - Chú ý lắng nghe, tự tin, mạnh dạn khi tham gia kể chuyện.

Ví dụ: bài kể chuyện *Cậu bé đánh giầy* [8, tr. 49], nhận xét theo thông tin sau:



- Kể theo đúng thứ tự tranh 1 → 2 → 3 → 4, không đảo trật tự, kể đủ các sự việc chính.
- Kể to, rõ, giọng kể tự nhiên:
- + Kể đoạn ông Oan-tơ bắt ngờ, giọng ngạc nhiên;
- + Kể đoạn cuối giọng vui.
- Dùng được ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ thích hợp (hoặc que chỉ chỉ vào nội dung trong tranh khi kể chuyện với tranh) minh họa cho lời kể: + Vẻ mặt ngạc nhiên ở tranh 3; + Nét mặt vui tươi ở tranh 4.
- Thái độ tự tin, có giao tiếp với người nghe.

3. Kết luận

Nhận xét sản phẩm học tập không chỉ là công cụ đo lường kết quả mà còn là phương tiện hỗ trợ quá trình học tập. Khi GV cần xây dựng được hệ thống tiêu chí rõ ràng, cụ thể cho từng kĩ năng đọc, viết, nói và nghe, kể chuyện, việc đánh giá sẽ trở nên khách quan, nhất quán và mang tính định hướng phát triển. Nhận xét dựa trên sản phẩm giúp GV theo dõi tiến trình hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ của HS một cách sát thực, từ đó có những điều chỉnh kịp thời trong tổ chức dạy học. Đồng thời, những phản hồi mang tính khích lệ, cụ thể và cá nhân hóa sẽ tạo động lực cho HS, giúp các em nhận diện được điểm mạnh, hạn chế của bản thân và chủ động cải thiện. Vì vậy, việc chú trọng xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá bằng nhận xét sản phẩm cần được xem là một nhiệm vụ thường xuyên trong giảng dạy nhằm tạo cơ hội phát triển năng lực Tiếng Việt cho HS. Những gợi ý về tiêu chí cho các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của môn Tiếng Việt tiểu học trên sẽ giúp SV ngành Giáo dục tiểu học và GV tiểu học tham khảo, vận dụng vào đánh giá khi giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thực hành nghề nghiệp. Khi hoạt động đánh giá được thực hiện theo tiêu chí rõ ràng, hoạt động dạy học sẽ trở nên khoa học, logic hơn, khuyến khích HS tham gia hoạt động hơn, qua đó thúc đẩy sự tiến bộ của HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT, ngày 01/11/2019 về Ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Tập viết 1 (tập 1) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). *Tiếng Việt 1 (tập 1) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Tiếng Việt 2 (tập 2) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Tiếng Việt 3 (tập 1) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Tiếng Việt 3 (tập 2) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [9] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Tiếng Việt 4 (tập 1) - bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [10] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022-2023). *Tài liệu tập huấn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 3, 4 - bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023). *Kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực*. Tài liệu bồi dưỡng Mô đun 3.0, Hà Nội.
- [12] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023-2024). *Tài liệu tập huấn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 4, 5 - bộ sách Chân trời sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.